

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế chuyển quyền sử dụng đất.
(số 17/1999/QĐ10)

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Căn cứ vào Luật Đất đai đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 7 năm 1993; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 02 tháng 12 năm 1998;

Luật này sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế chuyển quyền sử dụng đất đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 22 tháng 6 năm 1994.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế chuyển quyền sử dụng đất.

1. Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 2. Những trường hợp sau đây không thuộc diện chịu thuế chuyển quyền sử dụng đất:

1. Nhà nước giao đất cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng theo quy định của pháp luật;
2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trả lại đất cho Nhà nước hoặc Nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật;
3. Chuyển quyền sử dụng đất trong trường hợp ly hôn, thừa kế theo quy định của pháp luật;
4. Chuyển quyền sử dụng đất giữa : vợ với chồng; cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi với con đẻ, con nuôi; ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại với cháu nội, cháu ngoại; anh chị em ruột với nhau;
5. Tổ chức kinh tế được Nhà nước cho thuê đất có chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuê;
6. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hiến quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cho các tổ chức để xây dựng cơ sở văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao; cơ sở từ thiện không nhằm mục đích kinh doanh theo các dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.”

2. Điều 7 được sửa đổi như sau:

“Điều 7. Thuế suất thuế chuyển quyền sử dụng đất quy định như sau:

1. Đất sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối, thuế suất là 2% (hai phần trăm);
2. Đất ở, đất xây dựng công trình và các loại đất khác, thuế suất là 4% (bốn phần trăm).”

3. Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 11.

1. Thuế chuyển quyền sử dụng đất do người chuyển quyền sử dụng đất nộp và nộp một lần theo thông báo của cơ quan thuế.
2. Trong trường hợp người nhận quyền sử dụng đất tự nguyện nộp thuế chuyển quyền sử dụng đất thay cho người chuyển quyền sử dụng đất thì người đó có trách nhiệm kê khai, nộp thuế theo quy định tại Điều 10 của Luật Thuế chuyển quyền sử dụng đất.
3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người nhận quyền sử dụng đất khi thuế chuyển quyền sử dụng đất đã được nộp đủ.”

4. Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 14. Miễn thuế chuyển quyền sử dụng đất trong các trường hợp sau đây:

1. Hộ gia đình, cá nhân chuyển quyền sử dụng đất để di chuyển đến định cư tại các vùng kinh tế mới, miền núi, hải đảo theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
2. Người được Nhà nước phong tặng danh hiệu “ Bà mẹ Việt Nam anh hùng” chuyển quyền sử dụng đất;
3. Chuyển quyền sử dụng các loại đất thuộc xã nông thôn miền núi, hải đảo do Chính phủ quy định;
4. Chuyển đổi đất sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối cho nhau để phù hợp với điều kiện canh tác;
5. Tổ chức kinh tế được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất để đầu tư xây dựng nhà ở để bán, xây dựng kết cấu hạ tầng để chuyển nhượng có chuyển quyền sử dụng đất gắn với nhà, với kết cấu hạ tầng”.

5. Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 15. Giảm 50% (năm mươi phần trăm) thuế chuyển quyền sử dụng đất đối với những đối tượng sau đây:

1. Cá nhân thương binh hạng 1/4, hạng 2/4 và bệnh binh hạng 1/3, hạng 2/3;
2. Thân nhân liệt sỹ được hưởng chế độ trợ cấp của Nhà nước;
3. Người tàn tật không cò khả năng lao động, người chưa đến tuổi thành niên và người già cô đơn mà không có nơi nương tựa”.

6. Điều 16 được sửa đổi như sau:

“ Điều 16. Mỗi đối tượng được miễn, giảm thuế chuyển quyền sử dụng đất quy định tại Điều 14 và Điều 15 đã được sửa đổi, bổ sung chỉ được xét miễn hoặc giảm 1 lần, trừ đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 14 đã được sửa đổi, bổ sung.

Điều 2. Bãi bỏ Điều 8 và Điều 9 của Luật thuế chuyển quyền sử dụng đất.

Điều 3. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2000.

Các trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 01 năm 2000 mà chưa nộp thuế chuyển quyền sử dụng đất thì nộp thuế theo mức thuế suất quy định tại Luật này.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 21 tháng 12 năm 1999./.

Chủ tịch Quốc hội

(Đã ký)

Nông Đức Mạnh